*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**TIẾT: ……… BÀI**

**ÔN TẬP VĂN BẢN : HỊCH TƯỚNG SĨ**

***( TRẦN QUỐC TUẤN )***

**A. MỤC TIÊU**

I. Năng lực

1. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc, trả lời câu hỏi và hoàn thiện phiếu học tập.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực đọc hiểu văn bản.

- Năng lực cảm thụ văn học.

HS viết được đoạn văn trình bày cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài hịch.

II. Phẩm chất

- Biết ơn và thể hiện lòng tự hào về các thế hệ trước, biết trân trọng, giữ gìn nền độc lập của dân tộc và di sản văn hóa mà ông cha để lại.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

**HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu: HS nắm rõ các nội dung kiến thức về văn bản.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát phiếu học tập**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **1. Người ta thường viết hịch khi nào ?**  A. Khi đất nước có giặc ngoại xâm.  B. Khi đất nước thanh bình.  C. Khi đất nước phồn vinh.  D. Khi đất nước vừa kết thúc chiến tranh.  **2. Ý nào nói đúng nhất về chức năng của thể ” hịch”?**  A. Dùng để ban bố mệnh lệnh của nhà vua.  B. Dùng để công bố kết quả một sự nghiệp.  C. Dùng để trình bày với nhà vua sự việc, ý kiến hoặc đề nghị.  D. Dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.  **3. Kết cấu chung của thể hịch thường gồm mấy phần?**  A. Hai phần   C. Bốn phần  B. Ba phần     D. Năm phần  **4. Trần Quốc Tuấn viết “Hịch tướng sĩ” khi nào?**  A. Trước khi quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257).  B. Trước khi quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (1285).  C. Trước khi quân Mông – Xâm lược nước ta lần thứ ba (1287).  D. Sau chiến thắng quân Mông – Nguyên lần thứ hai.  **5. “Hịch tướng sĩ” được viết theo thể văn gì?**  A. Văn xuôi            C. **Văn biền ngẫu**  C. Văn vần         D. Cả A, B, C đều sai.  **6. Đối tượng mà bài hướng tới là ai? Mục đích cơ bản mà bài hịch hướng tới là gì? Để đạt được mục đích đó, tác giả đã sử dụng giọng điệu nào?**  **7. Lí do nào khiến tác giả nêu cả gương đời trước và đương thời?**  A. Để khích lệ ý chí lập công, tinh thần xả thân vì nghĩa lớn của các tì tướng.  B. Để cho dẫn chứng nêu ra được đầy đủ.  C. Để buộc các tì tướng phải xem xét lại mình.  D. Để chứng tỏ mình là người thông hiểu văn chương, sử sách.  **8. Hình ảnh nào không xuất hiện trong đoạn văn miêu tả sự ngang ngược và tội ác của giặc?**  A. Cú diều     C. Trâu ngựa  B. Dê chó        D. Hổ đói  **9. Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền?**  A. Nhẹ nhàng, thân tình  C. Mạt sát thậm tệ  B. Nghiêm khắc, nặng nề  D. Bông đùa, hóm hỉnh  **10. “Hịch tướng sĩ” là…. bất hủ phản ánh lòng yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của dân tộc ta”. Cụm từ nào điền vào chỗ trống trong câu văn trên cho phù hợp?**  A. áng thiên cổ hùng văn  C. lời hịch vang dậy núi sông  B. tiếng kèn xuất quân  D. bài văn chính luận xuất sắc  **11. Qua “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”, em hãy nêu lên nét giống và khác nhau giữa 2 thể loại: chiếu và hịch.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  **- HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.** | **I.Kiến thức cơ bản cần ghi nhớ:**  **GỢI Ý**  1 – 2 – 3.  Hịch là một thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi tranh đấu chống thù trong giặc ngoài.  \*Về mặt kết cấu, một bài hịch kêu gọi đánh giặc thường gồm 4 phần:  – Phần mở đầu: Nêu vấn đề.  – Phần 2: Nêu những tấm gương trong sử sách để gây lòng tin và khích lệ tinh thần hi sinh vì nghĩa lớn.  – Phần 3. Phân tích, nhận định tình hình để gây lòng căm thù giặc, làm cho người nghe biết hướng về cái đúng, gạt bỏ cái sai.  – Phần cuối: Đề ra chủ trương cụ thể, kêu gọi phải có ngay những hành động cụ thể.   * Để trả lời câu hỏi này, phải đặt bài hịch trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ.   - Kẻ thù đang lăm le xâm lược, tình hình đất nước  “ ngàn cân treo sợi tóc”.  – Một số tướng sĩ mải mê hưởng lạc, một số khác sợ uy của giặc nên dao động, muốn cầu hoà.  Đối tượng nghe là quân ta (tướng sĩ).  **6. Mục đích** chính của bài hịch là khích lệ lòng yêu nước, tinh thần quyết chiến quyết thắng, đánh tan tư tưởng bàng quan, thái độ cầu an hưởng lạc của một số tướng sĩ.  - Để đạt được mục đích ấy, Trần Quốc Tuấn sử dụng nhiều giọng điệu khác nhau: thân tình mà nghiêm khắc khi nói với tướng sĩ, căm uất khi nói tới kẻ thù.  \*Giống nhau:  + Cả hai loại văn này đều nhằm mục đích ban bố công khai, là lời của bề trên nói với kẻ dưới.  + Đều là thể văn nghị luận, kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc văn biền ngẫu.  – Khác nhau: Chiếu dùng để ban bố mệnh lệnh; hịch dùng để kêu gọi, cổ vũ, thuyết phục nhằm mục đích khích lệ tinh thần, tình cảm. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu: Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV phát phiếu học tập  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**  *Chọn một đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau*  **Câu 1:** Trần Quốc Tuân đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, láo xược và tàn ác của quân giặc xâm lược ?  A. Vật hoá      C. So sánh  B. Nhân hoá      D. ẩn dụ  **Câu 2:** Nghĩa của từ “nghênh ngang” là gì ?  A. ở trạng thái lắc lư, nghiêng ngả như trực ngã.  B. Tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.  C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.  D. Tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.  **Câu 3:** Từ nào có thể thay thế từ “ nghênh ngang” trong câu “ Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường …” ?  A. Hiên ngang  B. Ngật ngưỡng  C. Thất thểu  D. Ngông nghênh  **Câu 4:** Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể hịch như thế nào ?  A. Không nêu phần đặt vấn đề riêng.  B. Không nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách.  C. Không nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.  D. Cả A, B, C đều sai.  **Câu 5:** Đoạn văn nào thể hiện dõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?  A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.  B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc...  C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên…  D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.  **Câu 6:** Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền ?  A. Nhẹ nhàng thân tình.      C. Mạt sát thậm tệ.  B. Nghiêm khắc, nặng nề.     D. Bông đùa, hóm hỉnh.  **Câu 7:** Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì ?  A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.  B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.  C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Binh thư yếu lược”.  D. Gồm cả A, B và C.  **Câu 8:** Từ nào có thể thay thế từ “vui lòng” trong câu “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng” ?  A. Cam chịu      C. Cam lòng  B. Bình thường      D. Mặc kệ  **Câu 9:** “Hịch tướng sĩ là … bất hủ phán ánh lòng yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của dân tộc ta.” Cụm từ nào điền vào chỗ trống trong câu văn trên cho phù hợp ?  A. áng thiên cổ hùng văn  C. lời hịch vang dậy núi sông  B. tiếng kèn xuất quân  D. bài văn chính luận xuất sắc  …….  **Câu 17:** Kết cấu chung của thể hịch gồm mấy phần?  A. Hai phần.      B. Ba phần.  C. Bốn phần.      D. Năm phần.  **Câu 18:** Trần Quốc Tuấn sáng tác Hịch tướng sĩ khi nào?  A. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257).  B. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (1285).  C. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ ba (1287).  D. Sau khi chiến thắng quân Mông- Nguyên lần thứ hai.  …..  **Câu 22:** Hịch thường được viết vào thời điểm  nào?  A. Khi đất nước thanh bình.  B. Khi đất nước có giặc ngoại xâm.  C. Khi đất nước phồn vinh.  D. Khi đất nước vừa kết thúc chiến tranh.  **Câu 23:** Chức năng của thể loại hịch là  A. Dùng để ban bố mệnh lệnh của nhà vua.  B. Dùng để công bố kết quả một sự nghiệp.  D. Dùng để, cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.  C. Dùng để trình bày với nhà vua sự việc, ý kiến hoặc đề nghị.  **Câu 24:** Khi tác giả liệt kê những hành động sai trái của tướng sĩ không nhằm mục đích nào sau đây?  A. xem xét sự thiếu trách nhiệm của các chiến sĩ một cách khách quan, công tâm  B. tự nhìn nhận lại mình để điều chỉnh suy nghĩ cũng như hành động của tướng sĩ.  C. Lên án và trách móc sự vô trách nhiệm của các chiến sĩ.  D.  thức tỉnh sự tự ý thức, trách nhiệm của các chiến sĩ  **Câu 25:** Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, láo xược và tàn ác của quân giặc xâm lược?  A. So sánh  B. Nhân hoá  C. So sánh  D. Ẩn dụ  **Câu 26:** Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?  A. Khích lệ lòng tự hào về lịch sử của các chiến sĩ.  B. Nhắc nhở toàn dân về kẻ thù đang lăm le xâm lược đất nước.  C. Nhằm khích lệ tinh thần các chiến sĩ và kêu gọi tinh thần yêu nước quyết chiến quyết thắng với ngoại xâm.  D. Nhằm động viên nhân dân chống giặc  **Câu 27:** Câu nói: "Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan” có dụng ý gì?  A. Thể hiện sự thông cảm với các tướng sĩ.  B. Kêu gọi tinh thần đấu tranh của các tướng sĩ.  C. Khẳng định mình và các tướng sĩ là những người cùng cảnh ngộ.  D. Miêu tả hoàn cảnh sinh sống của mình cũng như của các tướng sĩ.  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**  ***Đề bài: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:***   “ Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sĩ mắng triểu đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà đòi bạc vàng, để vét của kho có hạn.  Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau! Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”   (***Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn***)   Câu 1:  Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn trên.  Câu 2: Khái quát nội dung chính đoạn trích.  Câu 3. Đọc đoạn trích, em hình dung hoàn cảnh sáng tác tác phẩm là gì?  Câu 4. Sự ngang ngược và tội ác của giặc đã được lột tả như thế nào? Theo em, tác giả tố cáo tội ác của giặc để làm gì?  Câu 5: Câu: Khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau! "Thuộc kiểu câu gì? Dùng để làm gì?  Câu 6. Trong câu: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù" có thể thay "quên" bằng "không"; "chưa" bằng "chẳng" được không? Vì sao?  Câu 7: Chỉ ra, phân tích hiệu quả hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.  Câu 8. Đoạn văn trên bộc lộ tâm trạng, nỗi lòng gì của nhân vật "ta"?  Tâm trạng, nỗi lòng đó được diễn tả theo cách nào?  Chỉ ra tác dụng?  Câu 9. Qua đoạn trích, em hiểu gì về vai trò của chủ tướng Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh dân tộc.  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**  ***Đề bài: Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén vừa giàu hình tượng, cảm xúc, do đó có sức thuyết phục cao.***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  **- HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.** | **II. LUYỆN TẬP**   1. **Chọn đáp án: D** 2. **Chọn đáp án: B** 3. **Chọn đáp án: D** 4. **Chọn đáp án: A** 5. **Chọn đáp án: A** 6. **Chọn đáp án: B** 7. **Chọn đáp án: D** 8. **Chọn đáp án: C** 9. **Chọn đáp án: A**   **Câu 10:** Tác giả đã sử dụng biện pháp gì khi nêu gương các bậc trung thần nghĩa sĩ ở phần mở đầu?  A. So sánh.  B. Liệt kê.  C. Cường điệu.  D. Nhân hoá.  **Chọn đáp án: B**  **Câu 11:** Lí do nào khiến tác giả nêu gương đời trước và đương thời?  A. Để tăng sức thuyết phục đối với các tì tướng.  B. Để cho dẫn chứng nêu ra được đầy đủ.  C. Để buộc các tì tướng phải xem xét lại mình.  D. Để chứng tỏ mình là người thông hiểu văn chương, sử sách.  **Chọn đáp án: A**  **Câu 12:** Trần Quốc Tuấn nêu gương các bậc trung thần nghĩa sĩ vốn được lưu danh trong sử sách nước Nam ta. Đúng hay sai?  A. Đúng  B. Sai  **Chọn đáp án: B**  **Câu 13:** Hình ảnh nào không xuất hiện trong đoạn văn miêu tả sự ngang ngược và tội ác của giặc?  A. Cú diều.      B. dê chó  C. Trâu ngựa      D. Hổ đói  **Chọn đáp án: C**  **Câu 14:**  Dụng ý của tác giả thể hiện qua câu : "Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan”?  A. Thể hiện sự thông cảm với các tướng sĩ.  B. Kêu gọi tinh thần đấu tranh của các tướng sĩ.  C. Miêu tả hoàn cảnh sinh sống của mình cũng như của các tướng sĩ.  D. Khẳng định mình và các tướng sĩ là những người cùng cảnh ngộ.  **Chọn đáp án: D**  **Câu 15:** Người ta thường viết hịch khi nào?  A. Khi đất nước có giặc ngoại xâm.  B. Khi đất nước thanh bình.  C. Khi đất nước phồn vinh.  D. Khi đất nước vừa kết thúc chiến tranh.  **Chọn đáp án: A**  **Câu 16:** ý nào nói đúng nhất các chức năng của thể hịch ?  A. Dùng để ban bố mệnh lệnh của nhà vua.  B. Dùng để công bố kết quả một sự nghiệp.  C. Dùng để trình bày với nhà vua sự việc, ý kiến hoặc đề nghị.  D. Dùng để, cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.  **Chọn đáp án: D**  **Chọn đáp án: C**  **Chọn đáp án: B**  **Câu 19:** Hịch tướng sĩ được viết theo thể văn gì?  A. Văn xuôi.  B. Văn vần.  C. Văn biền ngẫu.  D. Cả A, B, C đều sai.  **Chọn đáp án: C**  **Câu 20:** Tác giả của văn bản Hịch tướng sĩ là ai?  A. Trần Quốc Tuấn  B. Trần Quốc Toản  C. Nguyễn Trãi  D. Lê Lợi  **Chọn đáp án: A**  **Câu 21:** Hịch và Chiếu là hai thể văn bản có điểm giống nhau là  A. Thể văn nghị luận, kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén.  B. viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.  C. Dùng để ban bố công khai do vua, tướng lĩnh biên soạn.  D. Tất cả đều đúng  **Chọn đáp án: D**  **22. Chọn đáp án: B**  **23. Chọn đáp án: D**  **24. Chọn đáp án: C**  **25. Chọn đáp án: D**  **26. Chọn đáp án: C**  **27. Chọn đáp án: C**  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**  ***Gợi ý trả lời:***  Câu 1: Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn trên.  - Thể loại: Hịch  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận  Câu 2: Khái quát nội dung chính đoạn trích.  Đoạn trích tố cáo tội ác và sự ngang ngược của quân giặc, qua đó bộc lộ lòng căm thù giặc sâu sắc và tinh thần sẵn sàng hi sinh của Trần Quốc Tuấn.  Câu 3. Đọc đoạn trích, em hình dung hoàn cảnh sáng tác tác phẩm là gì?  - Hoàn cảnh sáng tác: Được viết vào khoảng thời gian trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ hai (1285)  Câu 4. Sự ngang ngược và tội ác của giặc đã được lột tả như thế nào? Theo em, tác giả tố cáo tội ác của giặc để làm gì?  - Chi tiết tả tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù:  + Kẻ thù tham lam, tàn bạo: Ngang ngược đi lại nghênh ngang ngoài đường, đòi ngọc lụa, thu vàng bạc  + Hành động xúc phạm danh dự đất nước: "Lưỡi cú diều", "thân dê chó" - sứ Nguyên để "xỉ mắng triều đình", "bắt nạt tể phụ".  - Đoạn văn tố cáo tội ác giặc để khơi gợi được lòng căm thù giặc, khích lệ tinh thần yêu nước bất khuất, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của tướng sĩ.  Câu 5: Câu: Khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau! "Thuộc kiểu câu gì? Dùng để làm gì?  - Câu trần thuật -> dùng để bộc lộ cảm xúc  Câu 6.  Trong câu: Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù" có thể thay "quên" bằng "không"; "chưa" bằng "chẳng" được không? Vì sao?  - "Quên" : Có nghĩa là "không nghĩ đến, không để tâm đến". Dùng câu này để thể hiện lòng căm thù giặc và tìm cách trả thù đến mức không để tâm đến việc ăn uống, một hoạt động thiết yếu và diễn ra hằng ngày đối với tất cả mọi người. Còn "không" : Chỉ mang ý nghĩa phủ định.  - "Chưa" : Biểu thị ý phủ định đối với điều mà cho đến một thời điểm nào đó không có, nhưng thời điểm sau đó có thể có. Dùng câu này để thể hiện thái độ tìm cách trả thù giặc, bây giờ chưa làm được nhưng chắc chắn sẽ làm được sau đó. Còn từ "chẳng' chỉ biểu thị ý phủ định nhất định, nhưng không có hàm ý là về sau có thể có.  => không thể thay" quên "bằng" không ";" chưa "bằng" chẳng "được. Nếu thay thế sẽ làm thay đổi hẳn ý nghĩa của câu.  Câu 7: Chỉ ra, phân tích hiệu quả hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.  - So sánh: Ruột đau như cắt  Phóng đại, khoa trương: Trăm thân, nghìn xác  - Liệt kê: Quên ăn, vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù.  - Ẩn dụ: Xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù ý chỉ hành động không dung tha cho quân giặc; trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa chỉ sự hi sinh  -Tác dụng:  +Nhấn mạnh, làm nổi bật hình ảnh chủ tướng với nỗi đau đớn, đắng cay, tủi nhục trước hành động tham tàn của sứ giặc cùng thái độ căm thù giặc sôi sục; qua đó thể hiện khí phách anh hùng, hiên ngang, lẫm liệt, tinh thần quyết chiến dù có hi sinh.  Câu 8. Đoạn văn trên bộc lộ tâm trạng, nỗi lòng gì của nhân vật" ta " ? Tâm trạng, nỗi lòng đó được diễn tả theo cách nào? Chỉ ra tác dụng?  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**  ***Đề bài: Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén vừa giàu hình tượng, cảm xúc, do đó có sức thuyết phục cao.***  **Có thể tham khảo dàn ý sau:**  A. Mở bài:  – Giới thiệu bài “Hịch tướng sĩ”.  – Giới thiệu đặc điểm nghệ thuật bài hịch: vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén vừa giàu hình tượng, cảm xúc.  B. Thân bài:  1. Nêu đặc điểm chung của thể hịch.  2. Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” có lập luận chặt chẽ, sắc bén:  a. Bài hịch có trình tự và bố cục lập luận hợp với tâm lí tiếp nhận.  – Nêu bố cục của bài hịch gồm 4 phần.  – Tác dụng của cách bố cục đó: tác động vào nhiều mặt trong nhận thức và tình cảm của tướng sĩ.  + Khích lệ ý chí lập công danh, tinh thần xả thân vì nước.  + Khích lệ lòng trung quân ái quốc và ân nghĩa thuỷ chung.  + Khích lệ lòng tự trọng, liêm sỉ ở mỗi người,…  + Cuối cùng là khích lệ tinh thần yêu nước, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.  b. Cách lập luận phong phú và linh hoạt. Ở mỗi phần, tác giả trình bày luận điểm khác nhau.  – Ở phần đầu, tác giả nêu những tấm gương trung nghĩa để khích lệ lòng tự trọng và ý chí lập công danh ở tướng sĩ.  – Ở phần hai, tác giả dùng những dẫn chứng thực tế để tố cáo sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù, sau đó trực tiếp bày tỏ nỗi lòng của mình để khơi gợi nỗi nhục mất nước và lòng căm thù giặc.  – Ở phần ba, tác giả đưa ra những lời phê phán nghiêm khắc thái độ bàng quan, cầu an hưởng lạc của tướng sĩ và chỉ ra hậu quả của nó. Sau khi chỉ ra cái sai, tác giả mới ôn tồn khuyên bảo những điều tướng sĩ nên làm và chỉ ra kết quả tốt đẹp của nó. Hai đoạn văn được trình bày theo lối tương phản có tác dụng giúp cho tướng sĩ nhận rõ đúng – sai.  – Ở phần cuối, tác giả vạch rõ ranh giới giữa hai con đường đúng – sai, chính – tà, ta – địch. Lời kết luận hô ứng chặt chẽ với lời mở đầu, hoàn chỉnh lập luận và xoáy mạnh vào mục đích nghị luận của bài hịch: thức tỉnh lòng yêu nước, căm thù giặc và tinh thần quyết chiến quyết thắng giặc ngoại xâm.  3. Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” giàu hình tượng và cảm xúc.  – Hình tượng và cảm xúc của lời văn xuất phát từ tình cảm mãnh liệt của người viết: tấm lòng yêu thương tướng sĩ, muốn tướng sĩ đi theo con đường đúng đắn.  – Đặc điểm này thể hiện trong toàn bài hịch, nhưng tập trung nhất ở phần hai, qua việc tố cáo tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù:  + Dùng hình ảnh ẩn dụ: lưỡi cú diều, thân dê chó.  + Dùng hình ảnh tả thực: đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa, vét bạc vàng…  + Dùng biện pháp so sánh: Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói,…  + Dùng nhiều vế ngắn liên tiếp: tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa,... như những đợt sóng lòng, chứa đầy tâm trạng.  + Dùng nhiều hình ảnh khoa trương mà chân thành, giàu sức truyền cảm, khiến cho một đoạn văn chính luận mà mang đậm chất trữ tình.  – Giọng văn phong phú đa dạng, bộc lộ nhiều sắc thái, cung bậc tâm trạng, làm nên sức truyền cảm mạnh mẽ.  + Khi ngợi ca những tấm gương trung nghĩa, giọng văn sảng khoái hào hùng.  + Khi tâm tình gan ruột, giọng văn sâu lắng mà sôi sục, thống thiết.  + Khi phê phán hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan của tướng sĩ, giọng văn vừa chân tình vừa nghiêm khắc, lúc sỉ mắng thẳng thừng (không biết lo, không biết thẹn, không biết tức, không biết căm), lúc mỉa mai, chế giễu (cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai,...)  + Khi khuyên bảo điều đúng nên làm, giọng văn ôn tồn thân mật.  c. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa nghệ thuật của tác phẩm: là một áng văn bất hủ, là một mẫu mực về văn nghị luận trung đại. |

**\* HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ**

HS viết bài văn hoàn chỉnh cho dàn bài đã lập trên lớp.